| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRỰC NINH**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 122/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 28 - 7 - 2020.
V/v: " Tranh chấp ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Nguyễn Thị Thanh

Bà Đoàn Thị Dịu

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Trần Thị M - sinh năm: 1985

Địa chỉ: Xóm 21, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh P có mặt, chị M được triệu tập đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/4/2020, bản tự khai nguyên đơn là anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Trần Thị M có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 12 năm 2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc đến tháng 7 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 chị M tự ý bỏ về nhà bố đẻ. Vợ

chồng đã sống ly thân kể từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/10/2003, Nguyễn Thị N, sinh ngày 18/3/2005 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/4/2014. Hiện cả 03 con chung đều đang ở với anh. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn H là bố đẻ của chị Trần Thị M ngày 08 tháng 7 năm 2020 trình bày:

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của TAND huyện Trực Ninh và gia đình có thông báo cho chị M biết việc anh P có đơn xin ly hôn với chị M. Chị M hiện đang đi làm ăn xa, không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn. Chị M có nói với anh Đ (anh trai chị M) là chị nhất trí ly hôn. Về yêu cầu xin ly hôn của anh P ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh P, chị M có 03 con chung như anh P trình bày. Hiện cả 03 con chung đều đang ở với anh P.

Về tài sản chung, công nợ: Tài sản chung, công nợ của anh P, chị M ông H không nắm rõ.

Tại phiên tòa: Anh P vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị M. Về con chung: Sau khi ly hôn, anh P có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tài sản chung, công nợ anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233 BLTTDS.

Về nội dung:

Xét thấy vợ chồng anh P, chị M đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82;83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị M.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn P về phần con chung. Giao cho anh Nguyễn Văn P trách nhiệm nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/10/2003, Nguyễn Thị N, sinh ngày 18/3/2005 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/4/2014. Chấp nhận việc anh P không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Anh P phải nộp theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng cho chị Trần Thị M nhưng chị M không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 228; 233 BLTTDS

[2] Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị M kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình. Năm 2017 chị M đã bỏ về nhà bố đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân từ đó nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi anh P có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho chị M và yêu cầu xuất trình chứng cứ nhưng chị M không xuất trình và không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của anh P, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Văn H là bố đẻ của chị Trần Thị M trình bày:

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và có thông báo cho chị M biết việc anh P có đơn xin ly hôn với chị M. Chị M có nói với anh Đ (anh trai chị M) là chị nhất trí ly hôn. Chị M hiện đang đi làm ăn xa, không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh P và chị M đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Sau khi anh P có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh P

và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị M nhưng chị M không đến Tòa án để làm việc không có lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa, anh P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị M đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, việc anh P xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Hiện tại ba con chung đang ở với anh P từ khi vợ chồng sống ly thân, chị M vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử, mặc dù được thông báo nhiều lần nhưng chị M không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. Để đảm bảo việc học tập, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho anh P có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc anh P không yêu cầu chị M cấp dưỡng là tự nguyện không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị M có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, khoản nợ: Anh P không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét. Chị M có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về tài sản chung, khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: anh P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Toà án:

1. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị M.

2. Về con chung: Giao anh Nguyễn Văn P có trách nhiệm nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/10/2003, Nguyễn Thị N, sinh ngày 18/3/2005 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/4/2014. Hiện cả 3 con chung đang ở với anh P. Chấp nhận sự tự nguyện của anh P không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Trần Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh P đã nộp theo biên lai

thu tiền số AA/2019/0002151 ngày 11/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Anh P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T,huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**